TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2024
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Thu Hà

2. Bà Hồ Thị Minh Tâm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 168/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp "*Ly hôn, con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 246/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1989 (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, khóm N, TT. B, huyện T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 14/05/2024 nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân**:** Bà và ông T kết hôn năm 2011. Hôn nhân do quen biết, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc êm ấm đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên nhậu nhẹt rồi về đánh đập bà từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn

trọng nhau, tin tưởng nhau nữa, cả hai luôn bất hoà và không tìm được hạnh phúc gia đình. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng bị rạn nứt do mâu thuẫn ngày càng nhiều, không thể hoà giải, mục đích hôn nhân không đạt được và cả hai ly thân từ năm 2021 đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị T1, sinh ngày 08/9/2012 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 12/6/2015. Hiện 02 con chung đang sống với ông T. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản hoà giải ngày 19 tháng 6 năm 2024: ông Nguyễn Thanh T trình bày ông thống nhất với nội dung trình bày của bà H về thời gian và điều kiện kết hôn tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bà H đi làm ở Bình Dương được khoảng 3 tháng thì điện thoại về đòi ly hôn. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà H, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị T1, sinh ngày 08/9/2012 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 12/6/2015. Hiện 02 con chung đang sống với ông, sau khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng ông cùng bà H có tạo lập khối tài sản gồm xe mô tô hiệu Vison còn biển số thì ông không nhớ rõ, hiện nay chiếc xe trên do bà H quản lý, xe mua vào năm 2017, với giá là 35.000.000đ do bà H đứng tên chủ sở hữu; Số tiền 20.000.000 đồng; Số tiền bảo hiểm xã hội là 35.000.000 đồng do bà Hồng L khi nghỉ việc ở Bình Dương; Số tiền 35.000.000đ vợ chồng cùng vay Ngân hàng ở Bình Dương đem về cất nhà cho bên vợ, tổng số tài sản chung của vợ chồng có giá trị là 125.000.000 đồng. Sau khi ly hôn ông yêu cầu chia đôi số tài sản trên và xin nhận giá trị.

Về phía bà H giữ nguyên ý kiến về hôn nhân và con chung, về tài sản chung và nợ chung bà có ý kiến: Vợ chồng cùng tạo lập khối tài sản chung là xe mô tô hiệu Vison biển số 67-N1 62308 (chiếc xe trên do bà quản lý), số tiền 10.000.000 đồng vợ chồng cho cha bà là ông Nguyễn Văn Q để cất nhà; Về nợ chung khi mua xe Vison biển số 67-N1 62308, vợ chồng có mượn mẹ bà là Lê Thị D 01 chỉ vàng 24kara. Sau khi ly hôn giải quyết phần tài sản chung và nợ chung bà đồng ý giao xe và số tiền 10.000.000 đồng cho ông T với điều kiện ông T phải trả cho mẹ bà là Lê Thị D 01 chỉ vàng 24kara.

Ngày 18/7/2024 bà H có nộp Bản tự khai bổ sung, xác định giữ nguyên yêu cầu ly hôn, về con chung: Sau khi Toà án mời hoà giải ông T đã tự giao 02 con chung lại cho bà trực tiếp chăm sóc, do đó bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung thì bà xác định không yêu cầu Toà án giải quyết, nếu ông T có yêu cầu thì ông T tự làm Đơn yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã thu thập được tài liệu, chứng cứ: Biên bản lấy lời khai người làm chứng – ông Nguyễn Văn Q về tình trạng hôn nhân và con chung của bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Nguyễn Thanh T ngày 18/7/2024

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà H với ông T; Về con chung: Bà H được trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 08/9/2012 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 12/6/2015, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu; Về Tài sản chung: ông T trình bày vợ chồng có tài sản và yêu cầu được chhia tài sản chung nhưng ông không làm Đơn phản tố và thực hiện trình tự thủ tục theo quy định để Toà án thụ lý yêu cầu của ông do đó không đặt ra xem xét. Dành quyền khởi kiện cho ông T trong vụ án khác nếu có yêu cầu. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Nguyễn Thanh T, có nơi cư trú tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà H có Đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn – Ông T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng ông vắng mặt tại phiên toà mà không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà H và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Theo trình bày của bà H và ông T tại các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì ông bà kết hôn vào năm 2011, hôn nhân do quen biết, quá trình chung sống giữa cả hai xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục, theo bà H do ông T thường xuyên nhậu nhẹt rồi về đánh đập bà, từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau nữa. Theo ông T nguyên nhân mâu thuẫn từ năm 2021 do bà H đi Bình Dương làm được khoảng 3 tháng thì thay đổi tính tình, bà thoại nói không còn tình cảm và yêu cầu ly hôn với ông nên cả hai ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông T cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, việc bà H và ông T thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Luật hôn nhân và Gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà H và ông T là phù hợp pháp luật.

2.2 Về con chung: Giữa bà H và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị T1, sinh ngày 08/9/2012 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 12/6/2015. Trước đây sống với ông T, ông có yêu cầu nuôi 02 con chung, tuy nhiên sau khi Toà án hoà giải theo bà H trình bày ông T đã giao 02 con chung về sống với bà H. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi 02 con chung, mặt khác 02 cháu T1 và N cũng có văn bản trình bày ý kiến cháu được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó để ổn định cuộc sống của con chung, hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung là cháu T1 và N cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà H phải tạo điều kiện cho ông T trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

2.3 Về tài sản chung của vợ chồng: Bà H xác định không không yêu cầu Tòa án giải quyết, về phía ông T tại phiên hoà giải ngày 19 tháng 6 năm 2024, ông xác định vợ chồng có tạo lập được tài sản chung, tổng giá trị là 125.000.000 đồng, sau khi ly hôn ông yêu cầu chia đôi số tài sản trên và ông xin nhận giá trị. Tuy nhiên, ông không nộp Đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung và cung cấp tài liệu chứng cứ cho Toà án theo Thông báo, do đó hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Dành quyền khởi kiện cho ông T trong vụ án khác nếu có yêu cầu.

2.4 Về nợ chung của vợ chồng: Bà H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết do đó không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà H là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm và ông N1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Bà H và ông T có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết H được trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 08/9/2012 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 12/6/2015. Bà H phải tạo điều kiện cho ông T trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004679 ngày 29/05/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Trinh